

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP. HCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Nhóm : 02

Tổ : 001

Trang 1/2

Mã nhận dạng 01634

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC
Học Kỳ 2 - Năm Học 13-14

Môn Học : Lưu trữ hồ sơ địa chính-209121

Ngày Thi : 29/06/14 Giờ thi: 14g45 - phút Phòng thi HD301 Nhóm : 02 Tổ : 001

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	Ký tên	Số tờ	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi %	Điểm T. kết	Tô tròn điểm phần nguyên	Tô tròn điểm phần lẻ
1	11124127	VÕ THỊ THÚY	AN		1	6,5		5,0	5,8	⑤①①②③④●⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
2	12124128	LÊ QUỐC	ANH		1	8,5		6,0	7,3	⑤①①②③④⑤⑥●⑧⑨⑩	①②●④⑤⑥⑦⑧⑨
3	11333166	NGUYỄN HOÀNG	ANH		1	6,0		5,0	5,5	⑤①①②③④●⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④●⑥⑦⑧⑨
4	12124003	LÊ THANH	BÌNH		1	7,5		6,0	6,8	⑤①①②③④⑤●⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
5	12124363	HÀ THÚY	DUY		1	7,0		6,0	6,5	⑤①①②③④⑤●⑦⑧⑨⑩	①②③④●⑥⑦⑧⑨
6	12333119	NGUYỄN THỊ	DUYÊN		1	6,0		5,75	5,9	⑤①①②③④●⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧●
7	12124150	NGUYỄN THỊ LÊ	DUYÊN		1	7,5		6,25	6,9	⑤①①②③④⑤●⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
8	11124012	VŨ TIẾN	ĐẠT		1	7,0		5,5	6,3	⑤①①②③④⑤●⑦⑧⑨⑩	①②●④⑤⑥⑦⑧⑨
9	12124163	HUỲNH HƯƠNG	GIANG		1	7,0		5,75	6,4	⑤①①②③④⑤●⑦⑧⑨⑩	①②③●⑤⑥⑦⑧⑨
10	12124017	NGUYỄN HÀ	GIANG		1	8,0		6,25	7,1	⑤①①②③④⑤⑥●⑧⑨⑩	①●②③④⑤⑥⑦⑧⑨
11	10124044	ĐỖ BÌNH MINH	HẢI		1	5,5		5,75	5,6	⑤①①②③④●⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤●⑦⑧⑨
12	12333302	CHU QUANG	HIỂN		1	6,5		5,75	6,1	⑤①①②③④⑤●⑦⑧⑨⑩	①●②③④⑤⑥⑦⑧⑨
13	11333009	NGUYỄN TRUNG	HIỂU		1	7,5		5,5	6,5	⑤①①②③④⑤●⑦⑧⑨⑩	①②③④●⑥⑦⑧⑨
14	12124030	VÕ THỊ	HÒA		1	7,5		6,25	6,9	⑤①①②③④⑤●⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧●
15	12333033	VŨ VĂN	HÙNG		1	6,5		4,75	5,6	⑤①①②③④●⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤●⑦⑧⑨
16	11333056	LÊ	HUY		1	8,5		5,5	6,9	⑤①①②③④⑤●⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧●
17	12124180	LÊ SỸ	HUY		2	7,5		5,75	6,6	⑤①①②③④⑤●⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤●⑦⑧⑨
18	12124031	VƯƠNG ĐÌNH	HUY		1	7,5		5,0	6,3	⑤①①②③④⑤●⑦⑧⑨⑩	①②●④⑤⑥⑦⑧⑨

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP. HCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Nhóm : 02

Tổ : 001

Trang 2/2

Mã nhận dạng 01634

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC
Học Kỳ 2 - Năm Học 13-14

Môn Học : Lưu trữ hồ sơ địa chính-209121

Ngày Thi : 29/06/14 Giờ thi: 14g45 - phút Phòng thi HD301

Nhóm : 02 Tổ : 001

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	ký tên	Số tờ	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô tròn điểm phần nguyên	Tô tròn điểm phần lẻ
19	12124034	TRẦN THỊ	HUYỀN		1	7,5		7,0	7,3	(V)(0)(1)(2)(3)(4)(5)(6)(7)(8)(9)(10)	(0)(1)(2)(3)(4)(5)(6)(7)(8)(9)
20	10124080	TRẦN QUANG	KHAI		1	6,0		5,5	5,8	(V)(0)(1)(2)(3)(4)(5)(6)(7)(8)(9)(10)	(0)(1)(2)(3)(4)(5)(6)(7)(8)(9)
21	12333134	NGUYỄN TRẦN ĐĂNG	KHOA		1	7,5		6,5	7,0	(V)(0)(1)(2)(3)(4)(5)(6)(7)(8)(9)(10)	(0)(1)(2)(3)(4)(5)(6)(7)(8)(9)
22	12333394	NGUYỄN TRẦN HỒNG	LÂN		1	7,5		5,0	6,3	(V)(0)(1)(2)(3)(4)(5)(6)(7)(8)(9)(10)	(0)(1)(2)(3)(4)(5)(6)(7)(8)(9)
23	12124043	NGÔ THỊ THUY	LINH		1	7,5		5,0	6,3	(V)(0)(1)(2)(3)(4)(5)(6)(7)(8)(9)(10)	(0)(1)(2)(3)(4)(5)(6)(7)(8)(9)
24	12333340	PHẠM THỊ THANH	LOAN		1	6,0		7,25	6,6	(V)(0)(1)(2)(3)(4)(5)(6)(7)(8)(9)(10)	(0)(1)(2)(3)(4)(5)(6)(7)(8)(9)
25	11124034	TRẦN XUÂN	LỘC		1	7,0		5,25	6,1	(V)(0)(1)(2)(3)(4)(5)(6)(7)(8)(9)(10)	(0)(1)(2)(3)(4)(5)(6)(7)(8)(9)
26	11333074	NGUYỄN MINH	LUẬN		1	6,0		4,0	5,0	(V)(0)(1)(2)(3)(4)(5)(6)(7)(8)(9)(10)	(0)(1)(2)(3)(4)(5)(6)(7)(8)(9)
27	12124218	VÕ THỊ NGỌC	LUYẾN		1	5,5		5,5	5,5	(V)(0)(1)(2)(3)(4)(5)(6)(7)(8)(9)(10)	(0)(1)(2)(3)(4)(5)(6)(7)(8)(9)
28	12333400	NGUYỄN THỊ TRÚC	LY		1	5,5		4,5	5,0	(V)(0)(1)(2)(3)(4)(5)(6)(7)(8)(9)(10)	(0)(1)(2)(3)(4)(5)(6)(7)(8)(9)
29	12124051	TRẦN THỊ THANH	MẾN		1	7,5		8,0	7,8	(V)(0)(1)(2)(3)(4)(5)(6)(7)(8)(9)(10)	(0)(1)(2)(3)(4)(5)(6)(7)(8)(9)
30	11333182	LỮ KIM QUỲNH	MI		1	5,0		4,25	4,6	(V)(0)(1)(2)(3)(4)(5)(6)(7)(8)(9)(10)	(0)(1)(2)(3)(4)(5)(6)(7)(8)(9)
31	12124226	TRẦN THỊ TRÁ	MI		1	5,5		6,25	5,9	(V)(0)(1)(2)(3)(4)(5)(6)(7)(8)(9)(10)	(0)(1)(2)(3)(4)(5)(6)(7)(8)(9)
32	11333077	HỒ HOÀI	NAM		1	5,0		4,25	4,6	(V)(0)(1)(2)(3)(4)(5)(6)(7)(8)(9)(10)	(0)(1)(2)(3)(4)(5)(6)(7)(8)(9)
33	12124053	MAI ĐÌNH	NAM		2	8,0		5,75	6,9	(V)(0)(1)(2)(3)(4)(5)(6)(7)(8)(9)(10)	(0)(1)(2)(3)(4)(5)(6)(7)(8)(9)
34	12333402	DƯƠNG THỊ THANH	NGÂN		1	6,0		4,75	5,1	(V)(0)(1)(2)(3)(4)(5)(6)(7)(8)(9)(10)	(0)(1)(2)(3)(4)(5)(6)(7)(8)(9)
35	12333404	TRẦN THỊ KIM	NGÂN		1	6,5		6,0	6,3	(V)(0)(1)(2)(3)(4)(5)(6)(7)(8)(9)(10)	(0)(1)(2)(3)(4)(5)(6)(7)(8)(9)
36	11333080	NGUYỄN HỮU	NGHĨA		1	6,0		5,0	5,5	(V)(0)(1)(2)(3)(4)(5)(6)(7)(8)(9)(10)	(0)(1)(2)(3)(4)(5)(6)(7)(8)(9)

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC
Học Kỳ 2 - Năm Học 13-14

Môn Học : Lưu trữ hồ sơ địa chính-209121

Ngày Thi : 29/06/14 Giờ thi: 14g45 - phút Phòng thi HD301

Nhóm : 02 Tổ : 001

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	Ký tên	Số tờ	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô tròn điểm phần nguyên	Tô tròn điểm phần lẻ
55	11124046	TRẦN QUỐC	DH11QL		1	7,8		6,0	6,9	⑤⑥①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧
56	12124284	HUỖNH ĐỨC	DH12QL		1	6,5		6,25	6,4	⑤⑥①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
57	12333135	NGUYỄN MINH	CD12CQ		1	6,5		5,5	6,0	⑤⑥①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
58	12333249	LÊ THỊ THU	CD12CQ		1	6,5		5,75	6,1	⑤⑥①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
59	11333153	NGUYỄN THỊ MINH	CD11CQ		1	8,0		5,5	6,8	⑤⑥①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
60	12124078	ĐOÀN NGỌC	DH12QL		1	7,0		5,25	6,1	⑤⑥①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
61	12333441	NGUYỄN THỊ NGỌC	CD12CQ		1	7,5		6,25	6,9	⑤⑥①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
62	13124387	NGUYỄN THỊ	LT13QL		1	7,0		6,0	6,5	⑤⑥①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
63	11124129	BÙI THỊ THANH	DH11QL		1	6,5		5,25	5,9	⑤⑥①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
64	12124311	PHAN THÙY	DH12QL		2	7,0		6,75	6,9	⑤⑥①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
65	12124087	NGUYỄN THỊ THU	DH12QL		1	8,0		5,25	6,6	⑤⑥①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
66	12124323	NGUYỄN TRẦN THANH	DH12QD		2	7,5		8,00	7,8	⑤⑥①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
67	12333450	BÙI PHƯƠNG	CD12CQ		1	7,5		4,5	6,0	⑤⑥①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
68	12333264	CHÂU HUỖN	CD12CQ		1	7,0		5,5	6,3	⑤⑥①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
69	12124325	LÊ THỊ HUỖN	DH12QL		1	6,0		7,75	6,9	⑤⑥①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
70	12333451	CAO THỊ	CD12CQ		1	6,5		5,75	6,1	⑤⑥①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
71	12124328	NGUYỄN THỊ	DH12QL		1	7,5		7,5	7,5	⑤⑥①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
72	12124099	NGUYỄN VĂN	TRƯỜNG		1	7,0		5,0	6,0	⑤⑥①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP. HCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Nhóm : 02

Tổ : 001

Trang 5/2

Mã nhận dạng 01634

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC
Học Kỳ 2 - Năm Học 13-14

Môn Học : Lưu trữ hồ sơ địa chính-209121

Ngày Thi : 29/06/14 Giờ thi: 14g45 - phút Phòng thi HD301

Nhóm : 02 Tổ : 001

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	Ký tên	Số tờ	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô tròn điểm phần nguyên	Tô tròn điểm phần lẻ
73	08141900	NGUYỄN TÀI	TÚ		1	7,0		5,25	6,1	9 0 1 2 3 4 5 7 8 9 10	0 2 3 4 5 6 7 8 9
74	12124101	NGUYỄN THANH	TUẤN		1	7,5		4,5	6,0	9 0 1 2 3 4 5 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
75	12333334	MẠC THỊ THU	TUYỀN		1	6,0		5,5	5,8	9 0 1 2 3 4 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
76	12333481	VÕ THỊ	TUYẾT		1	6,5		6,0	6,5	9 0 1 2 3 4 5 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
77	10124243	NGUYỄN MẠNH	TUÔNG		1			4,75	0,00	9 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
78	08124096	NGUYỄN HOÀNG	TỶ		1	9,0		5,5	5,3	9 0 1 2 3 4 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
79	12333458	NGUYỄN THỊ KIM	UYÊN		2	6,5		6,75	6,6	9 0 1 2 3 4 5 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
80	10124247	NGUYỄN THỊ	VÊN		1	7,5		5,5	6,5	9 0 1 2 3 4 5 7 8 9 10	0 1 2 3 4 6 7 8 9
81	12333284	BÙI VĂN	VƯƠNG		1	7,5		5,25	6,4	9 0 1 2 3 4 5 7 8 9 10	0 1 2 3 5 6 7 8 9

Số lượng vắng: 0

Hiện diện: : 82

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của khoa/bộ môn

Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Nguyễn Thị Hoàng Yên

Ths. Nguyễn Ngọc Thy

Ths. Nguyễn Ngọc Thy

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP. HCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Nhóm : 03

Tổ : 001

Trang 1/2

Mã nhận dạng 01635

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC
Học Kỳ 2 - Năm Học 13-14

Môn Học : Lưu trữ hồ sơ địa chính-209121

Ngày Thi : 29/06/14 Giờ thi: 14g45 - phút Phòng thi HD201

Nhóm : 03

Tổ : 001

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Ký tên	Số tờ	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi (%)	Điểm T. kết	Tô tròn điểm phần nguyên	Tô tròn điểm phần lẻ
1	12333001	ĐỖ NHẬT	CD12CQ					50%		0012345678910	0123456789
2	12333153	NGUYỄN THỊ THÚY	CD12CQ	<i>Thuy</i>	1	6,5		3,25	4,9	0012345678910	0123456789
3	12124001	PHẠM VŨ HÀ	DH12QD	<i>An</i>	1	9,5		6,75	7,6	0012345678910	0123456789
4	12124002	ĐỖ THẾ	DH12QL	<i>Doi</i>	1	5,5		6,0	5,8	0012345678910	0123456789
5	12333359	LÊ QUỐC	CD12CQ	<i>Quoc</i>	2	8,0		6,25	7,1	0012345678910	0123456789
6	12333206	LÊ THẾ	CD12CQ	<i>Lu</i>	1	6,0		4,75	5,4	0012345678910	0123456789
7	11333167	NGUYỄN HOÀNG	CD11CQ	<i>Hoang</i>	1	6,0		5,25	5,6	0012345678910	0123456789
8	12124136	TRẦN LÊ GIA	DH12QL	<i>Gia</i>	1	8,0		6,25	7,1	0012345678910	0123456789
9	12124137	ĐÀO NGỌC THANH	DH12QL	<i>Thanh</i>	2	3,5		5,75	6,6	0012345678910	0123456789
10	12124004	LÊ VĂN	DH12QL	<i>Van</i>	1	8,0		7,50	7,8	0012345678910	0123456789
11	12333038	NGUYỄN VĂN	CD12CQ	<i>Nguyen</i>	1	5,5		5,25	5,4	0012345678910	0123456789
12	12124139	Y BANG	DH12QL	<i>Y</i>	1	5,5		6,75	6,1	0012345678910	0123456789
13	12124140	NGUYỄN THÀNH	DH12QL	<i>Thanh</i>	1	8,0		6,25	7,1	0012345678910	0123456789
14	10124020	DƯƠNG BIÊN	DH10QL	<i>Biên</i>	1	6,0		3,75	4,9	0012345678910	0123456789
15	12333040	NGUYỄN VĂN	CD12CQ	<i>Van</i>	1	6,5		3,50	5,0	0012345678910	0123456789
16	10124021	TRẦN VĂN	DH10QL	<i>Tran</i>	1	6,5		4,25	5,4	0012345678910	0123456789
17	12333044	NGUYỄN THÀNH	CD12CQ	<i>Thanh</i>	2	8,0		7,0	7,5	0012345678910	0123456789
18	12333370	NGUYỄN THỊ	CD12CQ	<i>Thi</i>	1	5,5		5,5	5,5	0012345678910	0123456789



TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP. HCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Nhóm : 03

Tổ : 001

Trang 2/2

Mã nhận dạng 01635

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC
Học Kỳ 2 - Năm Học 13-14

Môn Học : Lũu trữ dữ liệu sơ địa chính-209121

Ngày Thi : 29/06/14 Giờ thi: 14g45 - phút Phòng thi HD201

Nhóm : 03

Tổ : 001

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	Ký tên	Số tờ	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi T. kết	Tô tròn điểm phần nguyên	Tô tròn điểm phần lẻ
19	12124144	NGUYỄN THỊ KIỀU	DH12QL		1	5,5		5,75	5,6	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
20	12333371	NGUYỄN THỊ NGỌC	CD12CQ		1	6,5		6,75	6,6	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
21	12333373	PHẠM THỊ THU	CD12CQ		1	6,5		5,5	6,0	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
22	12333470	TRÀ THỊ MỸ	CD12CQ		1	6,5		6,0	6,3	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
23	12333058	NGUYỄN THANH	CD12CQ		1	6,5		6,0	6,3	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
24	12333374	NGUYỄN LÊ ANH	CD12CQ		1	6,0		5,0	5,5	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
25	12124147	PHẠM ANH	DH12QL		1	8,0		5,75	6,9	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
26	12124011	PHẠM THỊ MỸ	DH12QL		2	7,5		7,25	7,4	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
27	12333055	TÀ THỊ MỸ	CD12CQ		1	7,0		4,25	5,6	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
28	12333059	TRẦN THỊ NGỌC	CD12CQ		1	7,5		4,5	6,0	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
29	12124157	TRẦN THỊ HOA	DH12QL		1	8,0		5,5	6,8	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
30	12124159	TRẦN VĂN	DH12QL		2	8,0		7,25	7,6	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
31	12124111	LÊ NGỌC	DH12QL		1	5,5		5,5	5,5	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
32	11333171	PHẠM ĐÌNH HỒNG	CD11CQ		1	9,0		4,75	9,0	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số lượng vắng: 4 Hiện diện: : 31

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của khoa/bộ môn

Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2

Ngô Ngọc Mỹ Tiên

ThS. Nguyễn Ngọc Thủy

ThS. Nguyễn Ngọc Thủy

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP. HCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Nhóm : 04

Tổ : 001

Trang 1/2

Mã nhận dạng 01640

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC
Học Kỳ 2 - Năm Học 13-14

Môn Học : Lưu trữ hồ sơ địa chính-209121

Ngày Thi : 29/06/14 Giờ thi: 14g45 - phút

Phòng thi CT305

Nhóm : 04

Tổ : 001

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	Ký tên	Số tờ	Đ 1 (%) 50%	Đ 2 (%) 50%	Điểm thi T. kết 50%	Tô tròn điểm phần nguyên	Tô tròn điểm phần lẻ
1	10124011	HUYỀN THUY	ÁI		1	7,8		7,0	⑤ ① ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	● ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
2	11151022	LÊ TUẤN	ANH		1	7,0		7,1	⑤ ① ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ● ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
3	11124002	TRẦN NGỌC	CHI		1	7,5		6,6	⑤ ① ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
4	11333024	PHẠM THỊ TRÚC	DUY		1	7,0		7,1	⑤ ① ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ● ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
5	11124007	TRẦN LÊ	DUY		1	7,0		6,8	⑤ ① ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
6	11124072	KIỀU NGUYỄN KỲ	DUYỀN		1	7,5		6,9	⑤ ① ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
7	11124009	NGUYỄN THỊ THÙY	DƯƠNG		1	7,5		6,6	⑤ ① ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
8	11124061	NGUYỄN VĂN	ĐƯƠNG		2	7,5		7,3	⑤ ① ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ① ② ● ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
9	11124079	NGUYỄN THU	HÀ		1	7,0		6,6	⑤ ① ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ① ② ③ ④ ⑤ ● ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
10	11124016	VŨ LONG	HÀI		1	7,0		6,2	⑤ ① ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
11	12333379	TRƯƠNG THỊ	HẠNH		1	6,5		6,5	⑤ ① ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ① ② ③ ④ ● ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
12	10124047	TRƯƠNG VĂN	HÀNH		1	5,5		5,9	⑤ ① ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
13	11124017	HỒ THỊ	HÀO		1	6,5		6,4	⑤ ① ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ① ② ③ ● ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
14	10124048	NGUYỄN THỊ NGỌC	HÀNG		1	7,3		7,2	⑤ ① ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ① ● ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
15	11173003	LÊ THỊ THANH	HIỀN		2	7,5		7,3	⑤ ① ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ① ② ● ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
16	11151032	NGUYỄN	HUY		2	7,0		6,8	⑤ ① ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ● ⑧ ⑨
17	11124029	HOÀNG THỊ	HƯƠNG		1	7,5		6,5	⑤ ① ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ① ② ③ ④ ● ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
18	11151005	TRẦN NGỌC	KHANG		2	7,0		6,9	⑤ ① ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ● ⑨

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC
Học Kỳ 2 - Năm Học 13-14

Môn Học : Lưu trữ hồ sơ địa chính-209121

Ngày Thi : 29/06/14 Giờ thi: 14g45 - phút Phòng thi CT305 Nhóm : 04 Tổ : 001

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Ký tên	Số tờ	Đ 1 (%) 50%	Đ 2 (%) 50%	Điểm thi 50%	Điểm T. kết	Tô tròn điểm phần nguyên	Tô tròn điểm phần lẻ
19	10124276	HOÀNG THANH	LIÊM		1	7,0		6,75	6,9	0 0 1 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8
20	11151027	PHẠM ĐỨC	MINH		1	7,0		6,85	6,6	0 0 1 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
21	11333054	LÊ DIỄM	MY							0 0 1 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
22	12333143	TRẦN THỊ MINH	NGUYỆT		8	7,0		7,25	7,1	0 0 1 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
23	11151035	NGUYỄN CỬU MINH	NHẬT		1	7,0		6,75	6,9	0 0 1 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8
24	11124097	PHẠM VŨ TUYẾT	NHI		1	7,0		7,85	7,1	0 0 1 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
25	11124099	PHẠM THỊ HỒNG	NHUNG		1	8,0		6,5	7,3	0 0 1 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
26	10124143	LÂM QUỲNH	NHU'		1	6,5		4,15	5,5	0 0 1 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
27	11124066	HỒ TẤN	PHÁT		1	7,0		5,75	6,4	0 0 1 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
28	12124059	HUỖNH TẤN	PHÁT		2	7,0		5,0	6,0	0 0 1 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
29	11124104	NGUYỄN THANH	PHONG		1	7,5		5,5	6,5	0 0 1 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
30	12124061	NGUYỄN TUẤN	PHONG		1	7,3		4,0	5,7	0 0 1 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
31	11151045	LÊ HOÀNG	PHÚC		1	7,0		6,85	6,1	0 0 1 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
32	11124107	NGÔ THIỆU	QUÂN		1	7,5		5,75	6,6	0 0 1 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
33	10333134	NGUYỄN MINH	QUÂN		1	7,0		5,5	6,3	0 0 1 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
34	11124041	TRẦN ANH	QUỐC		1	7,5		5,5	6,5	0 0 1 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
35	11124044	NGUYỄN NGỌC	SANG		1	8,0		5,85	6,6	0 0 1 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
36	10124169	PHAN THANH	TÂM		1	7,0		5,75	6,4	0 0 1 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC
Học Kỳ 2 - Năm Học 13-14

Môn Học : Lưu trữ hồ sơ địa chính-209121

Ngày Thi : 29/06/14 Giờ thi: 14g45 - phút Phòng thi CT305

Nhóm : 04 Tổ : 001

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	Ký tên	Số tờ	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi %	Điểm T. kết	Tô tròn điểm phần nguyên	Tô tròn điểm phần lẻ
37	10124181	NGUYỄN QUỐC THÁI	DH10QL	thái	1	6,5		4,25	5,4	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
38	12124288	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG	DH12QL	Phuot	1	6,5		6,0	6,3	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
39	11151076	TRẦN THỊ THANH	DH11DC	Thanh	1	7,0		7,0	7,0	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
40	10124194	NGUYỄN THỊ THU	DH10QL	Thu	1	7,3		6,0	6,7	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
41	11151057	LƯƠNG THỊ THUYỀN	DH11DC	Thuy	2	7,5		7,0	7,3	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
42	11124116	TẠ NGỌC BẢO	DH11QL	Bao	1	8,0		5,75	6,9	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
43	11124118	ĐÀO DUY THANH	DH11QL	Thanh	1	7,5		5,25	6,4	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
44	11124056	HỒ THỊ CẨM	DH11QL	Cam	2	6,5		7,25	6,9	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
45	11333128	TRẦN ANH	CD11CQ	Anh	1	5,0		4,0	4,5	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
46	11333161	TRẦN THỊ ÁNH	CD11CQ	Anh	1	7,5		7,25	7,4	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
47	12333293	NGUYỄN THỊ THANH	CD12CQ	Thanh	1	7,0		6,75	6,9	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
48	11151011	NGUYỄN MINH	DH11DC	Minh	2	7,0		7,0	7,0	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
49	11124058	NGUYỄN QUỐC VIỆT	DH11QL	Viet	1	7,0		6,0	6,5	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
50	12124360	TRẦN THỊ HẢI	DH12QL	Hai	1	6,0		6,75	6,4	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số lượng vắng: 01 Hiện diện: 49

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của khoa/bộ môn

Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2

Trần Đức Phú Hùng
Giống Đỗ Thùy Linh

Ths. Nguyễn Ngọc Thy

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP. HCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Nhóm : 03

Tổ : 002

Trang 1/2

Mã nhận dạng 01636

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC
Học Kỳ 2 - Năm Học 13-14

Môn Học : Lũu trữ hồ sơ địa chính-209121

Ngày Thi : 29/06/14 Giờ thi: 14g45 - phút Phòng thi HD202

Nhóm : 03 Tổ : 002

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	Ký tên	Số tờ	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi %	Điểm T. kết	Tô tròn điểm phần nguyên	Tô tròn điểm phần lẻ
1	12124123	NGUYỄN VĂN GIÁP	DH12QL		2	71,5		50%	6,3	⑤①①②③④⑤⑦⑧⑨⑩	①②●④⑤⑥⑦⑧⑨
2	12333081	TRẦN THỊ THÚY	CD12CQ		2	61,5		71,5	7,0	⑤①①②③④⑤⑥⑧⑨⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
3	12333180	PHẠM THÀNH HẢO	CD12CQ		1	71,5		50	6,3	⑤①①②③④⑤⑦⑧⑨⑩	①②●④⑤⑥⑦⑧⑨
4	12333088	NGUYỄN THỊ HẰNG	CD12CQ		1	61,0		61,0	6,0	⑤①①②③④⑤⑦⑧⑨⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
5	12124172	LÊ THỊ THÚY	DH12QL		1	61,0		61,5	6,4	⑤①①②③④⑤⑦⑧⑨⑩	①②③●⑤⑥⑦⑧⑨
6	12333096	NGUYỄN THỊ THANH HIỀN	CD12CQ		1	51,5		51,0	5,3	⑤①①②③④⑥⑦⑧⑨⑩	①②●④⑤⑥⑦⑧⑨
7	12333382	VÕ THỊ KIM HIẾU	CD12CQ		1	61,0		51,0	5,5	⑤①①②③④⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④●⑥⑦⑧⑨
8	12124029	LÊ HẢI HÒA	DH12QD		1	81,5		61,5	7,6	⑤①①②③④⑤⑥⑧⑨⑩	①②③④⑤●⑦⑧⑨
9	12124373	LÊ ĐĂNG TỔ HOÀNG	DH12QL		1	81,5		61,5	7,5	⑤①①②③④⑤⑥⑧⑨⑩	①②③④●⑥⑦⑧⑨
10	11333005	NGUYỄN HOÀNG	CD11CQ		1	61,0		41,0	5,0	⑤①①②③④⑥⑦⑧⑨⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
11	12124178	PHẠM MINH HOÀNG	DH12QD		1	71,5		51,5	6,6	⑤①①②③④⑤⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤●⑦⑧⑨
12	12333156	PHẠM VĂN HOÀNG	CD12CQ		1	61,0		51,5	5,8	⑤①①②③④⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦●⑨
13	12124033	ĐẶNG THỊ THU HUỖN	DH12QD		1	71,5		61,5	7,0	⑤①①②③④⑤⑥⑧⑨⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
14	12124035	PHẠM DUY HÙNG	DH12QD		1	71,5		61,0	6,8	⑤①①②③④⑤⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦●⑨
15	12124374	VŨ NGUYỄN THUY HUƠNG	DH12QD		1	81,0		51,5	6,8	⑤①①②③④⑤⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦●⑨
16	12333392	TRẦN QUANG KHẢI	CD12CQ		1	81,0		51,5	6,4	⑤①①②③④⑤⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧●
17	12333391	NGUYỄN TRUNG KHANG	CD12CQ		1	71,5		51,5	6,5	⑤①①②③④⑤⑦⑧⑨⑩	①②③④●⑥⑦⑧⑨
18	12333127	NGUYỄN NGỌC KHÁNH	CD12CQ		1	61,0		41,0	5,0	⑤①①②③④⑥⑦⑧⑨⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP. HCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Nhóm : 03

Tổ : 002

Trang 2/2

Mã nhận dạng 01636

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC
Học Kỳ 2 - Năm Học 13-14

Môn Học : Lưu trữ hồ sơ địa chính-209121

Ngày Thi : 29/06/14 Giờ thi: 14g45 - phút Phòng thi HD202 Nhóm : 03 Tổ : 002

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Ký tên	Số tờ	Đ 1 (%) 50%	Đ 2 (%) 50%	Điểm thi (%) 50%	Điểm T. kết	Tô tròn điểm phần nguyên	Tô tròn điểm phần lẻ
19	11333020	TRẦN DUY	CD11CQ							● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
20	12333310	NGUYỄN THỊ HỒNG	CD12CQ	<i>Nguyễn Thị Hồng</i>	1	8,0		7,10	7,5	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
21	12333007	LÊ VĂN	CD12CQ	<i>Nguyễn Văn Lê</i>	1	6,0		5,75	5,9	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
22	12333164	PHAN ĐÌNH	CD12CQ	<i>Phan Đình</i>	2	7,5		7,75	7,6	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
23	12124365	CAO THỊ PHƯƠNG	DH12QL							● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
24	12124202	ĐỖ THỊ	DH12QL	<i>Linh</i>	1	6,0		6,25	6,1	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
25	12124406	LA THỊ	DH12QL	<i>Đinh</i>	1	8,0		6,75	7,4	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
26	12124206	NGUYỄN THỊ PHƯỢNG	DH12QD	<i>Nguyễn Thị Phượng</i>	1	8,5		7,5	8,0	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
27	12124207	QUÁCH ĐIỀU	DH12QL	<i>Quách Điều</i>	1	5,5		7,5	6,5	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
28	12124045	TRẦN CHÍ	DH12QL	<i>Trần Chí</i>	1	7,0		6,25	6,6	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
29	12333132	TRẦN MẠNH	CD12CQ	<i>Trần Mạnh</i>	1	7,0		6,0	6,5	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
30	12124209	TRẦN THUY THÙY	DH12QL	<i>Trần Thùy Thùy</i>	1	5,5		4,5	5,0	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
31	12333145	VƯƠNG THỊ TÀI	CD12CQ	<i>Vương Thị Tài</i>	1	7,0		6,25	6,6	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
32	12333021	NG MẠNH PHONG VŨ	CD12CQ	<i>Long</i>	1	6,5		6,5	6,5	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số lượng vắng: 02 Hiện diện: : 30

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của khoa/bộ môn

Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2

Thầy Văn Hòa

Thầy Thiệp

Ths. Nguyễn Ngọc Thy

Ths. Nguyễn Ngọc Thy

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP. HCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Nhóm : 03

Tổ : 003

Trang 1/2

Mã nhận dạng 01637

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC
Học Kỳ 2 - Năm Học 13-14

Môn Học : Lưu trữ hồ sơ địa chính-209121

Ngày Thi : 29/06/14 Giờ thi: 14g45 - phút Phòng thi HD203 Nhóm : 03 Tổ : 003

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	Ký tên	Số tờ	D 1 (%) 50%	D 2 (%) 50%	Điểm thi ĐP%	Điểm T. kết	Tô tròn điểm phần nguyên	Tô tròn điểm phần lẻ
1	12124047	PHẠM ĐÌNH	LỘC		1	7,5		6,25	6,4	⑤①①②③④⑤●⑦⑧⑨⑩	①①②③④⑤⑥⑦⑧●
2	12124048	LÊ	LỢI		1	9,0		6,0	7,5	⑤①①②③④⑤⑥●⑧⑨⑩	①①②③④●⑥⑦⑧⑨
3	12122172	TRẦN MINH	LUÂN		2	8,5		7,0	7,8	⑤①①②③④⑤⑥●⑧⑨⑩	①①②③④⑤⑥⑦●⑨
4	12124217	HÀ THỊ	LUYẾN		1	6,0		7,5	6,8	⑤①①②③④⑤●⑦⑧⑨⑩	①①②③④⑤⑥⑦●⑨
5	12124117	LÊ HƯƠNG	LÝ		1	8,0		7,0	7,5	⑤①①②③④⑤⑥●⑧⑨⑩	①①②③④●⑥⑦⑧⑨
6	12124222	ĐOÀN THỊ TUYẾT	MAI		1	5,5		6,0	5,8	⑤①①②③④●⑥⑦⑧⑨⑩	①①②③④⑤⑥⑦●⑨
7	12333184	HOÀNG VÂN	MẠNH		1	6,0		6,75	6,4	⑤①①②③④⑤●⑦⑧⑨⑩	①①②③●⑤⑥⑦⑧⑨
8	12124378	MẠC THỊ	MƠ		2	8,5		7,25	7,9	⑤①①②③④⑤⑥●⑧⑨⑩	①①②③④⑤⑥⑦⑧●
9	12333195	NGUYỄN THỊ	NGA		2	6,0		7,0	6,5	⑤①①②③④⑤●⑦⑧⑨⑩	①①②③④●⑥⑦⑧⑨
10	12333343	HUYỀN NGỌC THANH	NGÂN		1	6,5		6,75	6,6	⑤①①②③④⑤●⑦⑧⑨⑩	①①②③④⑤●⑦⑧⑨
11	12333168	PHÙNG THỊ KIM	NGÂN		1	6,0		5,25	5,6	⑤①①②③④●⑥⑦⑧⑨⑩	①①②③④⑤●⑦⑧⑨
12	12124239	ĐẶNG THUY BẠCH	NGỌC		1	5,5		6,25	5,9	⑤①①②③④●⑥⑦⑧⑨⑩	①①②③④⑤⑥⑦⑧●
13	12333176	NGUYỄN CÔNG	NGUYỄN		1	7,0		6,25	6,6	⑤①①②③④⑤●⑦⑧⑨⑩	①①②③④⑤●⑦⑧⑨
14	12124124	TRẦN ĐĂNG	NGUYỄN		2	8,5		6,0	7,3	⑤①①②③④⑤⑥●⑧⑨⑩	①①②●④⑤⑥⑦⑧⑨
15	12333128	TRẦN ANH	NHÂN							●①①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
16	12124250	NGUYỄN THỊ	NHINH		1	6,5		7,5	7,0	⑤①①②③④⑤⑥●⑧⑨⑩	●①①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
17	12124252	PHAN THỊ HỒNG	NHUNG		1	8,0		6,25	7,1	⑤①①②③④⑤⑥●⑧⑨⑩	①●②③④⑤⑥⑦⑧⑨
18	12333362	TRẦN THỊ HẢI	NHUNG		1	6,0		6,75	6,4	⑤①①②③④⑤●⑦⑧⑨⑩	①①②③●⑤⑥⑦⑧⑨

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP. HCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Nhóm : 03

Tổ : 003

Trang 2/2

Mã nhận dạng 01637

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC
Học Kỳ 2 - Năm Học 13-14

Môn Học : Luật trừ hồ sơ địa chính-209121

Ngày Thi : 29/06/14 Giờ thi: 14g45 - phút Phòng thi HD203

Nhóm : 03

Tổ : 003

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	Ký tên	Số tờ	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô tròn điểm phần nguyên	Tô tròn điểm phần lẻ
19	12124381	LÊ QUỲNH	NHƯ		2	7,5		8,0	7,8	④①①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
20	12333010	NGUYỄN THỊ HUỲNH	NHƯ		1	6,5		6,0	6,3	④①①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
21	12333285	ĐỖ THỊ YẾN	NI		1	6,5		7,25	6,9	④①①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
22	12124060	NGUYỄN LÊ	PHONG		1	8,0		5,25	6,6	④①①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
23	12333416	TRẦN THANH	PHONG		2	6,0		3,25	4,6	④①①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
24	12333190	TRƯƠNG THANH	PHONG		1	6,5		4,25	5,4	④①①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
25	12333068	LÊ BÁ	PHÚ		1	6,0		6,0	6,0	④①①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
26	12124062	NGUYỄN HOÀNG	PHÚ		1	8,0		6,5	7,3	④①①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
27	12124262	ĐẶNG NGUYỄN NGỌC	PHÚC		2	8,0		6,5	7,3	④①①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
28	12333140	LÊ THANH	PHÚC		1	7,5		6,0	6,8	④①①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
29	12124263	NGUYỄN THỊ MỸ	PHỤNG		2	7,5		7,5	7,5	④①①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
30	12333419	TRẦN THỊ MỸ	PHỤNG		1	5,5		4,0	4,8	④①①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
31	11333093	DANH SỢT	PHƯƠNG		1	0,0		5,75	0,0	④①①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
32	12124265	NGUYỄN THỊ HỒNG	PHƯƠNG		1	8,0		6,0	7,0	④①①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①①②③④⑤⑥⑦⑧⑨

Số lượng vắng: 01

Hiện diện: 31

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của khoa/bộ môn

Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2

Trần Thị Thanh Huyền

Đinh Quang Vinh

Ths. Nguyễn Ngọc Thy

Ths. Nguyễn Ngọc Thy

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC
Học Kỳ 2 - Năm Học 13-14

Môn Học : Lưu trữ hồ sơ địa chính-209121

Ngày Thi : 29/06/14 Giờ thi: 14g45 - phút Phòng thi HD204

Nhóm : 03

Tổ : 004

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	Ký tên	Số tờ	Đ 1 (%) 50%	Đ 2 (%) 50%	Điểm thi 50%	Điểm T. kết	Tô tròn điểm phần nguyên	Tô tròn điểm phần lẻ
1	11333026	NÔNG THỊ PHƯƠNG	CD11CQ		1	6,0		5,5	5,8	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2	12333357	TÔ THỊ QUANH	CD12CQ		1	6,5		7,0	6,8	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
3	11333140	BÙI TRUNG QUÂN	CD11CQ		1	6,0		4,0	5,0	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
4	12124067	LÊ VĂN QUÂN	DH12QL		1	8,0		4,0	6,0	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
5	12333200	NGUYỄN PHÚ QUÍ	CD12CQ		2	5,0		6,5	5,8	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
6	12333207	HUỖNH CẨM SANG	CD12CQ		2	6,0		4,75	5,4	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
7	12333476	HỒ THỊ SEN	CD12CQ		2	7,0		7,0	7,0	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
8	11151041	NGUYỄN ĐÌNH SEN	DH11DC		2	6,5		6,25	6,4	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
9	12124271	PHAN THỊ SINH	DH12QL		1	7,0		6,25	6,6	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
10	12124272	NGUYỄN HOÀNG SƠN	DH12QL		2	5,5		6,75	6,1	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
11	12124121	ĐẶNG THỊ THU TÀI	DH12QL		1	7,0		7,0	7,0	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
12	12124276	NGUYỄN HỮU TÀI	DH12QL		2	9,0		8,25	8,6	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
13	12124076	NGUYỄN MINH TẤN	DH12QD		1	5,5		7,25	6,4	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
14	11333028	NGUYỄN THÀNH TẤN	CD11CQ							0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
15	12124292	PHAN DUY THÁI	DH12QD		2	7,0		7,0	7,0	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
16	12124283	VƯƠNG LÝ PHƯƠNG THANH	DH12QL		2	7,0		7,5	7,3	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
17	12333230	NGUYỄN VĂN THÀNH	CD12CQ		2	6,0		6,25	6,1	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
18	12333430	ĐÀO THỊ THẢO	CD12CQ		1	6,0		4,75	5,4	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9



TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP. HCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Nhóm : 03

Tổ : 004

Trang 2/2

Mã nhận dạng 01638

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC
Học Kỳ 2 - Năm Học 13-14

Môn Học : Lưu trữ hồ sơ địa chính-209121

Ngày Thi : 29/06/14 Giờ thi: 14g45 - phút Phòng thi HD204

Nhóm : 03 Tổ : 004

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	Ký tên	Số tờ	Đ 1 (%) 50%	Đ 2 (%) 50%	Điểm thi 50%	Điểm T. kết	Tô tròn điểm phần nguyên	Tô tròn điểm phần lẻ
19	12124290	NGUYỄN THỊ THU	DH12QL	Thao	1	5,5		6,25	5,9	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8
20	12333346	TRẦN THỊ THANH	CD12CQ	Thanh	1	6,5		6,25	6,4	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
21	12333236	NGUYỄN THỊ	CD12CQ	Thanh	2	5,5		7,25	6,4	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
22	12124295	NGUYỄN THỊ	DH12QL	Thanh	1	8,5		6,0	7,3	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
23	12124296	TẶNG THỊ THANH	DH12QD	Thanh	1	6,5		6,25	6,4	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
24	12124080	NGUYỄN XUÂN	DH12QL	Thanh	1	5,0		4,5	4,8	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
25	12124081	HỒ THỊ KIM	DH12QL	Thao	1	7,0		6,25	6,6	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
26	11151056	VÕ THỊ KIM	DH11DC	Thao	2	6,5		8,0	7,3	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
27	12333439	ĐÀO THỊ	CD12CQ	Thanh	1	7,0		4,0	5,5	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
28	12124386	HUỖNH THỊ	DH12QL	Thao	2	7,0		7,0	7,0	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
29	12124385	NGUYỄN PHƯƠNG	DH12QL	Thanh	1	8,5		6,75	7,6	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
30	11333126	NGUYỄN THỊ	CD11CQ	Thao	1	6,5		5,75	6,1	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
31	12333442	HUỖNH THỊ NGỌC	CD12CQ	Thao	2	7,0		5,25	5,6	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
32	12333322	TRƯƠNG THỊ DIỄM	CD12CQ	Thao	1	6,5		6,75	6,6	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số lượng vắng: 01

Hiện diện: : 31

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của khoa/bộ môn

Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2

Đường Thị Hương Giang
Nguyễn Lưu Như Quỳnh
Ths. Nguyễn Ngọc Thy

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP. HCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Nhóm : 03

Tổ : 005

Trang 1/2

Mã nhận dạng 01639

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC
Học Kỳ 2 - Năm Học 13-14

Môn Học : Lũu trữ hồ sơ địa chính-209121

Ngày Thi : 29/06/14 Giờ thi: 14g45 - phút Phòng thi HD205

Nhóm : 03

Tổ : 005

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	Ký tên	Số tờ	Đ 1 (%) 50%	Đ 2 (%) 50%	Điểm thi %	Điểm T. kết	Tô tròn điểm phần nguyên	Tô tròn điểm phần lẻ
1	12333250	NGUYỄN THỊ BÍCH	THỨ	ĐY	1	6,5		6,75	6,6	⑤①①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
2	12333253	LÊ MINH	THỨ	ĐY	1	7,0		5,75	6,4	⑤①①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
3	11124112	NGUYỄN THỊ THỦY	TÊN	ĐY	1	8,0		6,0	7,0	⑤①①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
4	12124313	VÕ THỊ CẨM	TÊN	ĐY	1	6,5		6,5	6,5	⑤①①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
5	12333049	NGUYỄN HỮU	TÍNH	ĐY	2	7,5		6,5	7,0	⑤①①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
6	12124314	PHẠM CHÍ	TÍNH	ĐY	2	8,5		7,5	8,0	⑤①①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
7	11151039	LÊ THANH	TÍNH	ĐY	1	6,5		7,0	6,8	⑤①①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
8	12124088	PHAN THỊ THU	TRANG	ĐY	2	7,5		7,75	7,6	⑤①①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
9	12124091	TRƯƠNG THỊ THỦY	TRANG	ĐY	1	7,0		7,5	7,3	⑤①①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
10	12124092	LÊ THÀNH	TRANG	ĐY	4	8,0		5,5	6,8	⑤①①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
11	12333146	NGUYỄN THỊ THỦY	TRÂM	ĐY	2	7,5		6,0	6,8	⑤①①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
12	12333454	LÊ THỊ KIỀU	TRÌNH	ĐY	1	8,5		4,75	6,6	⑤①①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
13	12124389	NGUYỄN CHÂU QUỲNH	TRÔNG	ĐY	2	8,0		7,85	7,6	⑤①①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
14	12333326	NGUYỄN VĂN	TRƯỜNG	ĐY	2	7,5		6,5	7,0	⑤①①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
15	12124103	NGUYỄN HUỲNH CẨM	TÚ	ĐY	2	6,0		6,75	6,4	⑤①①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
16	12333457	NGUYỄN VĂN	TÚ	ĐY	1	8,0		5,75	6,9	⑤①①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
17	11333041	TRẦN VĂN	TÚ	ĐY	1	6,0		5,75	5,9	⑤①①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
18	12333045	TẶNG THỊ THANH	TUYỀN	ĐY	1	6,5		5,0	5,8	⑤①①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①①②③④⑤⑥⑦⑧⑨

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP. HCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Nhóm : 03

Tổ : 005

Trang 2/2

Mã nhận dạng 01639

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC
Học Kỳ 2 - Năm Học 13-14

Môn Học : Lưu trữ hồ sơ địa chính-209121

Ngày Thi : 29/06/14 Giờ thi: 14g45 - phút

Phòng thi HD205

Nhóm : 03

Tổ : 005

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	Ký tên	Số tờ	Đ 1 (%) 50%	Đ 2 (%) 50%	Điểm thi (%) 50%	Điểm T. kết	Tô tròn điểm phần nguyên	Tô tròn điểm phần lẻ
19	12124407	BẾ THỊ KIM	TUYẾN	Nguyễn Kim	2	8,0		6,25	7,1	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
20	12333456	NGUYỄN THỊ ÁNH	TUYẾT	Nguyễn Thị Ánh	1	6,5		5,75	6,1	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
21	12333329	LÂM THẢO	UYÊN	Lâm Thảo	1	7,0		5,0	6,0	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
22	12124346	NGUYỄN THỊ BÍCH	VÂN	Nguyễn Thị Bích	1	6,5		6,75	6,6	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
23	12333460	NGUYỄN THỊ THANH	VÂN	Nguyễn Thị Thanh	1	6,0		6,5	6,3	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
24	12124347	TRẦN THANH	VÂN	Trần Thanh	1	8,0		6,25	7,1	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
25	12333283	DI THÀNH	VŨ	Di Thành	1	6,0		6,75	6,4	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
26	12333462	HOÀNG TUẤN	VŨ	Hoàng Tuấn	1	6,5		4,0	5,3	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
27	12333483	NGUYỄN HOÀNG	VY	Nguyễn Hoàng	1	6,5		5,5	6,0	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
28	12333463	NGUYỄN KHÁNH	VY	Nguyễn Khánh	1	7,0		4,0	5,5	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
29	12333198	HOÀNG HỒNG	YÊN	Hoàng Hồng	1	6,0		5,5	5,8	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
30	12333464	NGUYỄN NGỌC	YÊN	Nguyễn Ngọc	1	7,0		5,5	6,3	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
31	12124359	TRẦN THỊ HẢI	YÊN	Trần Thị Hải	1	8,5		7,5	8,0	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số lượng vắng: 0

Hiện diện: 31

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của khoa/bộ môn

Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2

Nguyễn Ngọc Thành

ThS. Nguyễn Ngọc Sành